

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 08 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Quốc Dự** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 08 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Chúc L**, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Tuấn E**, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Ấp 16B, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phạm Văn D (V)** và bà **Võ Thị D**. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Chúc L trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Bà L và ông E sống chung từ năm 2008, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 07 năm 2014 tại ủy ban nhân dân

xã T. Ly thân từ năm 2015 đến nay, lý do: Trong thời gian sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cãi nhau, về việc chi xài tiền trong sinh hoạt gia đình. Từ đó, Bà L nhận thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông E.

+ Việc nuôi con: Bà L và ông E có hai người con chung cháu tên Phạm Tuấn K, sinh ngày 28 tháng 07 năm 2009 và tên Phạm Tuấn K, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2012. Hiện hai cháu đang sống với ông Phạm Tuấn E, ông Phạm Văn D và Võ Thị D. Bà L đồng ý giao hai cháu cho ông E, ông D và bà D tiếp tục nuôi dưỡng và bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nếu có yêu cầu.

+ Chia tài sản: Do không có tài sản chung nên bà L không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Phạm Tuấn E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai được.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn D và bà Võ Thị D trình bày: Ông D và bà D là cha mẹ ruột của ông E và là ông bà nội của cháu K, cháu K. Cháu K và cháu K hiện tại đang sống cùng nhà với vợ chồng ông, bà và ông E. Ông D và bà D yêu cầu tiếp tục nuôi hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật, riêng ông E không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định tại Điều 70, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Chúc L xin ly hôn với ông Phạm Tuấn E.

+ Về quan hệ con: Giao cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 28 tháng 07 năm 2009 và cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2012 cho ông E được tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn bà Nguyễn Chúc L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn D và bà Võ Thị D vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phạm Tuấn E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. **Quan hệ hôn nhân:** Do ông Phạm Tuấn E đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không thể tiến hành lấy lời khai nên căn cứ vào lời khai của Bà L để giải quyết. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Bà L và ông E là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của Bà L đã chứng minh được, Bà L và ông E ly thân từ năm 2015 đến nay. Lý do: Trong thời gian sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cãi nhau, về việc chi xài tiền trong sinh hoạt gia đình. Từ đó, Bà L nhận thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông E.

Ngoài ra, ông E không đến Tòa án để hòa giải, điều đó đã thể hiện ý chí của ông E không có thiện chí hàn gắn và duy trì mối quan hệ hôn nhân, còn Bà L thì cương quyết ly hôn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà L và ông E đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của Bà L được ly hôn với ông E.

[3]. **Việc nuôi con:**

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

- Cháu K và cháu K đang sống với ông E và đang phát triển bình thường, Bà L yêu cầu tiếp giao cho ông E được tiếp tục nuôi là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ngoài ra, hai cháu còn cha và không thuộc trường hợp không có điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu theo quy định tại Điều 104 và 105 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử sẽ giao hai cháu cho ông E được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với ông D và bà D cũng là thành viên trong gia đình và hiện đang sống chung với hai cháu nên ông D và bà D có quyền, nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ hai cháu theo quy định tại Điều 103 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Do không thể tiến hành lấy lời khai ông E nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, trong trường hợp ông E có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4]. **Chia tài sản:** Do không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. **Về án phí:**

- Bà Nguyễn Chúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà L đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001560 ngày 04 tháng 03 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí.

- Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 81, 82, 83, 103, 104, 105 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Chúc L xin ly hôn với ông Phạm Tuấn E.

2. Việc nuôi con:

- Giao cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 28 tháng 07 năm 2009 và cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 16 tháng 01 năm 2012 cho ông Phạm Tuấn E được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Bà Nguyễn Chúc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con do mình không trực tiếp tục nuôi, mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Ông Phạm Văn D và bà Võ Thị D có quyền và nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cháu Phạm Tuấn K và cháu Phạm Tuấn K.

- Về cấp dưỡng: Trong trường hợp ông Phạm Tuấn E có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

3. Chia tài sản: Do không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Chúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bà L đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001560 ngày 04 tháng 03 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G được chuyển thu án phí.

- Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn